

Số: 22/2025/QĐST-HNGĐ

Son La, ngày 27 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST/HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**; Sinh ngày: 25/01/1988; Số căn cước công dân: 034188011845; Nơi cư trú: Bản Hưng Nhân, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh **Lê Duy H**; Sinh ngày: 05/5/1979; Số căn cước công dân: 014079004247; Nơi cư trú: Bản Hưng Nhân, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng T. Địa chỉ: Tiểu khu 3, xã T, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 2 Điều 5; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/8/2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/8/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H có 02 con chung: Cháu Lê Thị Hồng U, sinh ngày 24/01/2012 và cháu Lê Duy T, sinh ngày 10/12/2015.

Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H nhất trí thỏa thuận giao cháu Lê Thị Hồng U, sinh ngày 24/01/2012 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Lê Duy T, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Lê Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H nhất trí thỏa thuận:

Anh Lê Duy H có trách nhiệm thanh toán cho chị Hà Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán là ngày 15/11/2025.

Chị Hà Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ. Anh Lê Duy H không phải thanh toán khoản nợ này.

Về án phí: Chị Hà Thị H và anh Lê Duy H tự nguyện thỏa thuận: Chị Hà Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí về nghĩa vụ trả nợ chung là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên

lai thu số: 0000105 ngày 25/7/2025. Chị Hà Thị H còn phải nộp án phí về nghĩa vụ trả nợ chung là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Anh Lê Duy H phải chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ chung là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (2 bản);
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã B, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lường Tiến Hải